

## **A study and application of forms of english syntactic exercises**

**Nguyen Thi Xuan Thuy\***

*Department of Foreign Languages, Quy Nhon University*

*Received: 25/03/2019; Accepted: 21/05/2019*

### **ABSTRACT**

The study is about forms of syntactic exercises and questions that can test students' knowledge in a logical and systematic way. For the ultimate purposes, it focuses on the way of testing which can minimize the passive leaning for the tests and the exams, keeping the students far away from the routine of learning by heart during the process as well as before the exams for syntax. The suggested and applied ways are coupled with the samples for the sake of clear understanding and mastering.

**Keywords:** *Clauses, forms, syntax.*

---

*\*Corresponding author.*

*Email: ntxthuy1972@gmail.com*

# Tìm hiểu và ứng dụng các dạng bài tập môn cú pháp học tiếng Anh

Nguyễn Thị Xuân Thủy\*

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 25/03/2019; Ngày nhận đăng: 21/05/2019

## TÓM TẮT

Bài viết khảo sát các dạng bài tập và câu hỏi kiểm tra kiến thức của sinh viên một cách có logic và hệ thống. Đề đạt được mục đích tối ưu, nghiên cứu tập trung các cách kiểm tra có thể giảm thiểu việc học thụ động trong suốt quá trình tích lũy kiến thức cũng như trước các kỳ thi trong sinh viên, giúp sinh viên tránh xa lối mòn học thuộc lòng ở học phân cú pháp học. Các kiểu bài tập (chủ yếu về mệnh đề) gợi ý và ứng dụng được trình bày song hành cùng các mẫu bài tập giúp người học hiểu và nắm rõ vấn đề.

**Từ khóa:** Mệnh đề, các dạng thức, cú pháp học.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cú pháp là một môn lý thuyết khó, rộng và phức tạp. Môn học này bao gồm nhiều điểm ngữ pháp đòi hỏi người học phải nắm vững từ khi bắt đầu học tiếng Anh. Nhiều vấn đề của môn học này liên quan đến kiến thức ngữ pháp khi người học còn là học sinh ở phổ thông. Ngoài ra, cú pháp cũng là môn có liên quan đến nhiều môn học khác. Các loại từ khi phân loại đều được phân chia theo hình thái học và ngữ nghĩa học để được nghiên cứu sâu hơn. Do vậy, người học được đòi hỏi là có kiến thức vững vàng của nhiều môn học để tiếp cận và hiểu tốt môn học này. Xuất phát từ những vấn đề đó chúng tôi cho rằng ngoài giáo trình, tài liệu nghiên cứu, phương pháp dạy ra, phương pháp kiểm tra đánh giá rất quan trọng để người học tìm hiểu, so sánh và đối chiếu. Vì lẽ đó, hệ thống bài tập được cho là yếu tố đóng vai trò quan trọng.

Trong khuôn khổ ngắn gọn của bài viết, một số bài tập điển hình của bộ môn cú pháp được trình bày kèm theo dạng mẫu vấn đề.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu từ việc quan sát, thống kê các loại bài tập trong các sách của các nhà ngôn ngữ học trong lĩnh vực và các loại câu hỏi trong các đề thi của bộ môn lý thuyết nói chung và cú pháp học nói riêng. Sau đó phân tích và đưa ra các dạng câu hỏi tương đương có cùng câu trả lời, so sánh đối chiếu cách thức học, ôn thi và làm bài của sinh viên (SV). Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát việc đánh giá các dạng câu hỏi từ SV chuyên ngữ k38, khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Quy Nhơn và phân tích tính hiệu quả thực tế các bài kiểm tra cũng như các bài thi của SV khi học bộ môn này và xây dựng nên hệ thống bài tập ứng dụng.

\*Tác giả liên hệ chính.

Email: ntxthuy1972@gmail.com

## 2.2. Các khái niệm lý thuyết

Kiểm tra (KT) là “bộ phận hợp thành của quá trình dạy - học nhằm nắm được những thông tin về trạng thái và kết quả học tập của học sinh, sinh viên về những nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó để tìm ra những biện pháp khắc phục những lỗ hổng, đồng thời củng cố và tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy - học” (4 tr.1). KT có nhiều hình thức khác nhau như KT định kỳ, KT thường xuyên, KT tổng kết v.v...

Đánh giá (ĐG) là quá trình có hệ thống, độc lập và được lập thành văn bản để thu được bằng chứng khách quan. Có nhiều định nghĩa về đánh giá (Assessment - Evaluation) trong lĩnh vực giáo dục tùy thuộc vào cấp độ đánh giá, đối tượng hoặc mục đích cần đánh giá. Tuy nhiên, tất cả các định nghĩa đều có điểm chung: đánh giá là một quá trình chứ không phải là cái gì đó riêng lẻ.

KT - ĐG trong giáo dục có ba vai trò quan trọng:

- là một thành tố quan trọng trong nghiên cứu lý luận dạy học cùng với xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động dạy - học.

- là công cụ hành nghề quan trọng của người dạy, giúp người dạy xác định được sự thay đổi của người học thông qua quá trình dạy học để đạt được mục tiêu giáo dục.

- là một bộ phận quan trọng của quản lý giáo dục, quản lý chất lượng dạy và học.

Trên thế giới có rất nhiều nghiên cứu về KT - ĐG như công trình nghiên cứu “Chiến lược học đại học” của Metzger (2004), “Phương pháp học đại học” của Pauk, “Học tập cũng cần chiến lược” của Ronald Gross (2004). Ở nước ta, cũng có một số nghiên cứu và quan niệm đáng lưu ý về vấn đề này. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng việc đa dạng hóa hình thức và nội dung KT - ĐG KQHT sẽ tác động làm cho người học tích cực hơn trong quá trình học tập của mình. Theo Đặng Bá Lâm (2003), kiểm tra - đánh giá kết quả học tập là chất xúc tác để tạo sự thay đổi của chính bản thân người học. Đặc biệt, Vũ Thị

Phuong Anh nêu quan điểm rằng KT - ĐG là công cụ hỗ trợ cho quá trình học nếu nó được sử dụng đúng và ngược lại nó sẽ làm cho người học thiếu tính chủ động và sáng tạo trong quá trình học. Mục đích của bài viết này không nằm ngoài tham vọng là thiết kế và ứng dụng các dạng bài tập kích thích sáng tạo và thúc đẩy tính chủ động tích cực trong SV với môn lý thuyết cú pháp học.

## 2.3. Các dạng bài tập

### 2.3.1 Dạng bài tập giải thích (Explain)

Loại bài tập này được thiết kế để tránh đường mòn theo các câu hỏi trình bày nêu định nghĩa, tránh được vấn đề SV phải học thuộc lòng, tránh được câu hỏi “What is...” Ví dụ:

- (a) What is a verb (V)?
- (b) What is a simple verb phrase (VP)?

Thông thường để trả lời cho những câu hỏi như (a), (b) nêu trên, SV chọn cách học thuộc lòng để làm bài mặc dù chúng ta biết là có rất nhiều cách học để đi đến đích cho câu trả lời. Hệ thống kiểm tra kiến thức có thể giúp sinh viên học môn lý thuyết thú vị này một cách chủ động và sáng tạo: học so sánh và đối chiếu. Sau đây là mẫu đề của dạng bài tập này.

**Sample Exercise: From the perspective of syntax, explain the (key) difference between two items/two concepts/ two types/ categories:**

- Stative and dynamic verbs
- Transitive and intransitive verbs
- Intensive and extensive verbs
- Lexical and auxiliary verbs
- Phrasal and prepositional verbs
- Finite and non-finite verbs
- Simple VP and Complex VP
- Object and complement
- Gerund and present participle
- Inherent and non-inherent adjectives
- Gradable and non-gradable adjectives
- Attributive and predicative functions of nouns and noun phrases.

Ngoài ra, trong phần ứng dụng thực hành, chúng ta vẫn có thể áp dụng dạng câu hỏi này. (như trong bài tập dưới đây).

**Sample Exercise 1: From the perspective of Syntax, explain the differences between the underlined items in the sentences given.**

- They can coke drink in this factory.
- They can drink coke in this factory.

Rõ ràng, phương pháp này giúp SV hiểu rõ vấn đề và học với tâm thế chủ động, chứ không phụ thuộc vào từng câu chữ trong giáo trình hay từ bài giảng của giáo viên.

**Sample Exercise 2. Explain the following joke from the perspective of syntax.**

- Comedian A: My dog hasn't got a nose.  
Comedian B: How does your dog smell then?  
Comedian C: It smells terrible.

**Sample Exercise 3: Explain the differences between the underlined clauses in terms of relationship and syntactic functions.**

- I think you're right.  
You're right, I think.

### 2.3.2. Dạng trình bày (Present)

Câu hỏi “Hãy trình bày...” được sử dụng một cách hạn chế. Vì vậy, như đã trình bày ở trên, bài tập trong 2.3.1 được thiết kế để hạn chế loại câu hỏi này. Tuy nhiên, loại câu hỏi dạng này luôn tồn tại trong bất kỳ môn lý thuyết nào. Do đó, dạng câu hỏi được thiết kế kèm theo vế “Give your own examples to illustrate” để tạo ra tính tư duy chủ động trong SV.

**Sample Exercise: Present the function of a linguistic unit (words, phrases, clauses) and give your own examples to illustrate.**

- Nominal clause
- Adverbial clauses
- Adjectival clauses
- To infinitive clause
- Gerund clauses
- Present participle clauses

- Past participle clauses
- Verbless clauses

Những ví dụ này có thể được dùng đánh giá xem sinh viên có hiểu bài và vận dụng vào viết câu hay không. Đặc biệt, đây là dạng câu hỏi được sử dụng nhiều khi GV muốn kiểm tra kiến thức của SV về chức năng cú pháp của các đơn vị ngôn ngữ nhất là các loại mệnh đề phụ trong câu tiếng Anh.

### 2.3.3. Dạng câu hỏi chứng minh (Prove)

Nếu loại câu hỏi Present/ state là câu hỏi bao quát thì với loại câu hỏi Prove có thể kiểm tra được những vấn đề chi tiết và cụ thể. Ví dụ như chúng ta biết “To infinitive clause” có thể đóng vai trò là nominal, adverbial và adjectival. Tuy nhiên, khi mục tiêu kiểm tra của GV không nhằm vào hết các chức năng cú pháp của “To infinitive clause” thì loại câu hỏi “Prove” là hoàn hảo để kiểm tra một trong 3 chức năng đó.

**Sample Exercise: Prove that To infinitive clause can be adverbials (Adjunct, Disjunct and Conjunct). Give our own examples to illustrate.**

Theo đó, những câu hỏi như sau được đưa vào sử dụng.

- Prove that both *To infinitive clause* and *V-ing clause* can function as disjunct. Give your own examples to illustrate.
- Prove that PPs can be conjuncts. Give your own examples to illustrate.
- Prove that NPs can be adjuncts. Give your own examples to illustrate.
- AdvPs can be modifiers to all kinds of part of speech in the English language. Give your own examples to illustrate.

### 2.3.4. Dạng điền vào chỗ trống (Fill)

Dựa vào hàm ý và văn phong của đoạn văn để suy luận ra từ hoặc cụm từ cần điền là mục đích của loại bài tập Gap fill. Thông thường dạng bài điền từ vào chỗ trống bao gồm một đoạn văn với các chỗ trống để điền từ. Đây là dạng bài tập

có phạm vi kiến thức rất rộng, nhằm kiểm tra kiến thức ngôn ngữ tổng hợp trong rất nhiều lĩnh vực ngữ pháp như: từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, ngôn ngữ, kiến thức của môn học v.v...

**Sample Exercise: Fill in a suitable word in each of the gaps in the following sentences.**

1. A finite verb must be marked for....., and may have.....with its subject in person and.....

2. Non-finite verbs are not marked either for..... or .....but may have ..... or .....

3. In the sentence You do the cooking, do is a ..... verb and may either in the ..... or in the .....

4. The verb phrase must be seen contains three ..... The last has ..... of a .....verb; the second has the ..... of a .....; the first, the ..... of a .....

5. The lexical verbs WILL and CAN have the same ....., in the base, as the ..... verbs WILL and CAN, but their ..... is different.

[10, tr.13]

**Gap fill** được cho là kiểu nhắc bài tốt cho SV một cách có hệ thống. Để làm tốt loại bài tập này, SV cần nắm vững lý thuyết và vận dụng linh hoạt vào tình huống cụ thể để điền từ thích hợp vào chỗ trống. Dạng bài tập này không mới. Tuy nhiên, trong hệ thống bài tập của các sách lý thuyết tiếng chúng xuất hiện ở tần số rất thấp nên GV cần xây dựng bổ sung dạng bài tập ứng dụng này.

**2.3.5. Dạng câu hỏi xác định (Determine/decide)**

Loại câu hỏi xác định không mới lạ đối với tất cả GV và SV của các môn khác đặc biệt là môn đọc. Tuy nhiên dạng bài tập này hầu như không được tìm thấy ở các sách bài tập cú pháp dù nó mang lại tính hiệu quả cao và thực sự nên được áp dụng trong các môn lý thuyết tiếng.

**Sample exercise: Decide if the following statement is correct (C) or incorrect (IC).**

1. The difference between simple VPs and complex VPs lies in the presence of auxiliary.

2. Moods are of the three subtypes namely indicative, imperative and subjunctive.

3. A prepositional phrase always consists of an obligatory preposition which is the head.

4. The verb underlined in the sentence “We love him, the President” can be labeled as “extensive, dynamic and complex transitive”.

5. In X’P rule, the head and its complement form an X’-level constituent and the specifier is attached at the phrase level.

6. In one way of classification, verbs can be divided into lexicals and auxiliaries, the latter of which are of the two subtypes namely primary auxiliaries and modal auxiliaries.

7. A nonfinite verb must be marked for tense, and may have concord with its subject in person and number.

8. Specifiers occur at the left boundary of phrases and are always attached to the top level of phrase structure.

9. The adjective “nice” can be either in attributive position or in predicative position.

10. Voice concerns the manner in which the verbal action is experienced or regarded.

11. The deep structure is always different from the surface structure in all cases.

12. The adjective “broken” can be either in attributive position or in predicative position.

**C or IC** có thể bao quát hết nội dung cả học phần, tránh học tủ. Đây là loại bài tập duy nhất có thể chạm hết tất cả các khía cạnh của kiến thức trong khuôn khổ một bài test. Các loại bài tập khác chỉ có thể phản ánh một vấn đề. Ví dụ loại bài tập “**Explain the differences between...and...**” chỉ có thể kiểm tra hai phạm trù, hai loại hoặc hai lĩnh vực. Bài tập **Prove** (như đã trình bày) chỉ kiểm tra được kiến thức

một vấn đề cụ thể. Với bài tập này, hệ thống đánh giá có thể thực hiện được tham vọng kiểm tra được tất cả các điểm quan trọng của môn học này.

### 2.3.6. Dạng đề biểu thị (*Indicate*)

Dạng bài tập **Indicate** mang tính áp dụng lý thuyết vào thực hành được rất nhiều sách, nhiều tác giả sử dụng. Tính phổ biến và hiệu quả của loại bài tập này rất cao. Theo quan sát của chúng tôi, SV bày tỏ sự yêu thích rõ rệt cho dạng bài tập này. Người học cho rằng sau khi làm bài tập **Indicate**, họ thực sự hiểu rõ các vấn đề lý thuyết liên quan. Trên thực tế, ví dụ như nếu chỉ biết lý thuyết suông “stative verbs” và “dynamic verbs” là gì thì e rằng chúng ta không hiểu hết được hai loại động từ này và sự khác biệt giữa chúng trong từng văn cảnh cụ thể. Bài tập như dạng mẫu dưới đây thực sự là điều cần thiết.

**Sample Exercise 1: Indicate whether the underlined VPs are stative or dynamic in the context given.**

1. This tank holds precisely 10 liters.
2. Hold the handle firmly.
3. Answer the question more precisely.
4. I was a fool. Don't listen to him.
5. I'd like 3 tickets immediately.
6. I was having my coffee quietly.
7. Smell this meat. Does it smell bad?
8. I think I hear someone coming.
9. I consider you acted very wisely.
10. I'll consider your application.

[10, tr.10]

Dạng bài tập này cũng có thể hiểu/ mở rộng ra dạng multiple choice như bài tập mẫu dưới đây. Tần suất xuất hiện của dạng này cũng rất cao trong các sách bài tập cú pháp học.

**Sample Exercise 2: The following terms can be used with reference to verbs. Indicate the verbs in the following sentences in these terms below.**

- a. intensive
- b. extensive
- c. stative
- d. dynamic
- e. intransitive
- f. monotransitive
- g. ditransitive
- h. complex transitive

1. Do you understand the lesson?
2. The mist is disappearing slowly.
3. He offered his hands hesitatingly.
4. We elected him President.
5. His election made him very conceited.

[10, tr.7]

### 2.3.7. Dạng đề nhận dạng và phân tích (*Identify and Analyze*)

Đây cũng là bài tập phổ biến xuất hiện trong bài test với tần suất cao để kiểm tra chủ yếu phần mệnh đề, một đơn vị ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong cú pháp tiếng Anh. Bài tập này xâu chuỗi tất cả các kiểu chia mệnh đề: theo mối quan hệ, theo cấu trúc và theo chức năng, là bức tranh toàn cảnh của chương mệnh đề.

**Sample exercise: Identify and analyze the dependent clauses in the sentences below in terms of structures and syntactic functions.**

1. What he should do now is that he should wait.
2. One solution to the problem is to relocate the areas which are slightly further away from the river.
3. It is apparent from the information supplied that the rate of conviction among teenagers increased exponentially.
4. Some people think that museums should be entertaining to attract young people.
5. A glance at the pie charts provided reveals the popularity of various leisure activities among teenagers.
6. We should let the teenagers do whatever they like.

7. As shown in the figure, the town has four main zones which are mainly located around the central park.

8. Frankly speaking, the downside of this is that it would be very costly.

2.3.8. *Dạng câu hỏi mô tả, biểu diễn (Show)*

Dù không phải là loại phổ biến, dạng câu hỏi mô tả, biểu diễn như mẫu bài tập dưới đây được cho là rất cần thiết trong kiểm tra đánh giá của môn lý thuyết này.

**Sample Exercise: Show the transformation applied by making the surface tree diagram to the sentence given.**

How should they solve the problem now?

Bài tập Show được thiết kế nhằm kiểm tra kiến thức của SV về Deep Structure và Surface Structure. Để có mô hình phân tích cấu trúc bề mặt (Surface tree diagram), SV phải biết đến cấu trúc bề sâu (Deep Structure) và các nguyên tắc biến hình (transformational rules) (Cả Yes-No inversion và Wh-movement). Bài tập này cũng kiểm tra được các nguyên tắc phân tích câu theo XP và X'P cũng như sự nhất quán trong cùng một mô hình của mỗi loại phân tích.

2.3.9 *Dạng bài tập làm rõ (Clarify)*

Như đúng tên gọi của mình, bài tập clarify (làm rõ) là loại bài tập giải quyết những vấn đề lập lờ, không rõ ràng. Vì vậy, đối tượng cho dạng bài tập này liên quan đến câu tối nghĩa. Đây là những câu tiếng Anh khiến người đọc hay người nghe liên tưởng đến hai hay nhiều nghĩa khác nhau. Kiến thức cú pháp kết hợp với hiểu biết ngữ nghĩa có thể giúp chúng ta biết được đâu là diễn giải đúng của câu gốc.

**Sample question 1: The given sentence is ambiguous. Make their possible tree diagrams to clarify the meaning.**

The police shot the man with a gun.

**Sample question 2: The sentence “George likes amusing girls” has two underlying interpretations as follows:**

(1) George likes girls who can make people amused.

(2) George likes making girls laugh and smile.

**Clarify them, using the tree diagrams.**

**Sample question 3: The following sentences are ambiguous. Paraphrase them so as to show possible meanings, then make their possible tree diagrams to clarify the meanings.**

a. People who visit Rome frequently like it very much.

b. Teacher of elementary school children that do well naturally expect to be rewarded.

c. He often strolled through the woods that he liked so much in rainy weather.

d. He introduced us to a girl with a shy smile that we found rather lovable.

e. I was next introduced to an Italian with a mustache that completely captivated me.

f. He carefully washed the stones he had found in the river.

Hai loại câu hỏi cuối (Show và Clarify) lên quan đến Tree diagram. Đây là phần quan trọng để kiểm tra xem SV có thực sự hiểu bài hay không. Như chúng ta biết hầu như trong các sách ngôn ngữ về cú pháp tiếng Anh, phần phân tích câu luôn được đặt song song hoặc nối tiếp sau phần trình bày lý thuyết nhằm giúp người đọc nói chung và sinh viên chuyên ngữ nói riêng hiểu được nội dung một cách lô gic và có hệ thống. Phần phân tích mô hình cây có thể được xem như là phần thực hành hữu ích, làm rõ việc đọc hiểu và học hiểu, vì lẽ đó, loại câu hỏi (clarify) này được đánh giá là hữu dụng cả từ phía GV và SV.

**3. KẾT LUẬN**

Các dạng bài tập nêu trên đều được SV bày tỏ sự yêu thích và hoàn thành tốt. Kết quả các kiểm tra nhỏ trong lớp (mini test), kiểm tra giữa kỳ (mid-term test) và thi cuối học kỳ (final exam) phản ánh rõ thái độ tích cực và

khả năng nắm bắt kiến thức tốt môn học của SV. Hệ thống bài tập được thiết kế đã thực hiện được chức năng của kiểm tra đánh giá: Hiểu và vận dụng.

Bài tập quả là phần quan trọng không những củng cố kiến thức cho SV mà còn giúp SV hiểu cụ thể hơn, sâu hơn, là phương tiện giúp SV đưa kiến thức lý thuyết vào thực hành. Vì vậy việc hiểu rõ ý nghĩa và vận dụng tốt các loại bài tập thật sự là điều cần thiết đối với GV nói riêng và hệ thống kiểm tra đánh giá nói chung. Bài tập môn lý thuyết hoàn toàn có thể không nặng lý thuyết khi chúng ta có cách dạy - học và kiểm tra hiệu quả mà trong đó hệ thống bài tập đóng vai trò hết sức quan trọng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.J. Thomson & A.V. Martinet. *A Practical English Grammar*, Oxford University Press, 1989.
2. Downing, A. and Lock, P. *A University Courses in English Grammar*, New York: Phoenix ELT, 1995.
3. Gerald P. Delahunty. *Language, Grammar & Communication*, International Edition, 1994.
4. Hien Bui, Giao Nguyen Van, Quynh Nguyen Huu, Tao Vu Van. *Dictionary of Pedagogics*, Encyclopedia Press, Hanoi, 2001.
5. Jack C. Richards, John Platt & Heidi Platt. *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*, Longman Group UK Limited, 1993.
6. John Eastwood. *Oxford Guide to English Grammar*, Oxford University Press, 1997.
7. Lạc, Nguyen Hoa. *An Outline of Syntax*, HCM city Press, 1999.
8. Lam Dang Ba. *Vietnamese Education in the First Decades of the 21<sup>st</sup> Century - The Strategy of Development*, Education Press, Hanoi, 2003.
9. L.G. Alexander. *Longman Advanced Grammar*, Longman Group UK Limited, 1993.
10. Lado, R. *Linguistics across Cultures*, The University of Michigan Press, Michigan, 1960.
11. Michael Swan. *Practical English Usage*, Oxford University Press, 1999.
12. Randolph Quirk & Sydney Greenbaum. *A University Grammar of English*, Oxford University Press, 1973, 7-13.
13. Roderick A. Jacobs. *English Syntax*, Oxford University Press, 1973.
14. Thanh To Minh. *English Syntax*, National University Press, HCM, 2008.